

Phụ lục

DANH MỤC DỰ ÁN XÂY DỰNG SỬ DỤNG NGUỒN TĂNG THU, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI NĂM 2025 (ĐỢT 4)

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày 12/8/2026 của Ủy ban nhân dân phường Tân Thành)

DVT: Triệu đồng

| STT       | Danh mục dự án, công trình                                                                                                                    | Mã dự án | Nhóm dự án | Địa điểm đầu tư  | Quy mô đầu tư (cung cấp quy mô chính) | Thời gian khởi công - hoàn thành | Quyết định chủ trương đầu tư              |                                |                    | Quyết định đầu tư (đối với dự án để nghị bố trí vốn đầu tư)/Quyết định phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư (đối với dự án để nghị bố trí vốn chuẩn bị đầu tư) |                                |                    | Lấy kế vốn đã bố trí và giải ngân đến hết năm 2025                            |                                | Kế hoạch vốn năm 2026 đã bố trí |                                | Phân bổ nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại năm 2025 trong năm 2026 (theo Quyết định số 1898/QĐ-UBND ngày 26/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh) |         |                                               | Chủ đầu tư | Ghi chú                            |                                            |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|------------|------------------|---------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------------|--------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------------------------------------------|------------|------------------------------------|--------------------------------------------|
|           |                                                                                                                                               |          |            |                  |                                       |                                  | Số quyết định (...)/QĐ-... ngày/tháng/năm | Tổng mức đầu tư                |                    | Số quyết định (...)/QĐ-... ngày/tháng/năm                                                                                                                            | Tổng mức đầu tư                |                    | Năm đầu tiên bố trí vốn đầu tư (không bao gồm năm bố trí vốn chuẩn bị đầu tư) | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSDP              | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSDP                                                                                                                            | Tổng số | Trong đó                                      |            |                                    |                                            |
|           |                                                                                                                                               |          |            |                  |                                       |                                  |                                           | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSDP |                                                                                                                                                                      | Tổng số (tất cả các nguồn vốn) | Trong đó: vốn NSDP |                                                                               |                                |                                 |                                |                                                                                                                                               |         | Đã phân bổ (Dự toán chi còn lại của năm 2025) |            |                                    | Bổ sung (Dự toán chi còn lại của năm 2025) |
|           |                                                                                                                                               |          |            |                  |                                       |                                  |                                           |                                |                    |                                                                                                                                                                      |                                |                    |                                                                               |                                |                                 |                                |                                                                                                                                               |         |                                               |            |                                    |                                            |
| A         | B                                                                                                                                             | 1        | 2          | 3                | 4                                     | 5                                | 6                                         | 7                              | 8                  | 9                                                                                                                                                                    | 10                             | 11                 | 12                                                                            | 13                             | 14                              | 15                             | 16                                                                                                                                            | 17      | 18                                            | 20         | 21                                 | 22                                         |
| TỔNG CỘNG |                                                                                                                                               |          |            |                  |                                       |                                  |                                           | 1.500                          | 1.500              |                                                                                                                                                                      | 1.456                          | 1.456              |                                                                               |                                | 85                              | 85                             | 1.400                                                                                                                                         | 85      | 1.315                                         |            |                                    |                                            |
| 1         | Dự án Cải tạo, sửa chữa các trường Mầm non Hương Sen, Hương Tràm, Trúc Xanh (Sửa chữa cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị các điểm trường) | 8204186  | C          | Phường Tân Thành | sửa chữa trường học                   | 2026                             | 2755/QĐ-UBND ngày 30/6/2026               | 1.500                          | 1.500              | 3219/QĐ-UBND ngày 12/08/2026                                                                                                                                         | 1.456                          | 1.456              |                                                                               |                                |                                 | 85                             | 85                                                                                                                                            | 1.400   | 85                                            | 1.315      | Ban Quản lý dự án phường Tân Thành |                                            |